

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN KIỂM SOÁT

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .34./NQ-DKQN-ĐHĐCĐ ngày .16.. tháng ..04.. năm 2021
của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC)*

Các căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 34 ngày 16/4/2021.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC bao gồm các nội dung sau:



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Mục đích	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ	3
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát	4
CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN	4
Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	4
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên	5
Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát	5
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 10. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	8
Điều 12. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban kiểm soát	9
CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 13. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát	9
Điều 14. Các cuộc họp của Ban kiểm soát	9
CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 15. Quan hệ giữa các Kiểm soát viên	11
Điều 16. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước	11
Điều 17. Quan hệ với cổ đông	11
Điều 18. Quan hệ với Hội đồng quản trị	11
Điều 19. Quan hệ với Giám đốc và Ban Giám đốc	12
Điều 20. Quan hệ với các Bộ phận trong Công ty	12
CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 21. Điều khoản thi hành	12

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế này được xây dựng, ban hành nhằm quy định tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định hiện hành liên quan khác của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm, chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên đối với mọi hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- 3.1. Công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.
- 3.2. Luật doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
- 3.3. Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.
- 3.4. Cổ đông: Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.
- 3.5. Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- 3.6. Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.
- 3.7. Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.
- 3.8. Ban Giám đốc: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.
- 3.9. Giám đốc: Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.
- 3.10. Bộ phận: là các Phòng chức năng do Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập, các Ban, Tổ, Hội đồng chuyên ngành do Giám đốc ra quyết định thành lập.
- 3.11. Người quản lý Công ty: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

- 4.1. Ban kiểm soát được tổ chức và hoạt động độc lập theo nguyên tắc tuân thủ Luật doanh nghiệp, các quy định của pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định tại Quy chế này.
- 4.2. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, thay mặt Cổ đông thực hiện quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.
- 4.3. Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với chế độ làm việc cá nhân. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

- 5.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 5.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.
- 5.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 5.4. Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát. Báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra, giám sát trong phạm vi/lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về những đánh giá và kết luận của mình.
- 5.5. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp của Công ty nếu được yêu cầu hoặc khi xét thấy cần thiết và sắp xếp được công việc chuyên trách của mình. Kiểm soát viên có quyền thảo luận, phát biểu ý kiến, kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với Hội đồng quản trị thì có quyền bảo lưu ý kiến của mình vào Biên bản cuộc họp và trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- 5.6. Có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, tài liệu từ cán bộ quản lý, nhân viên trong Công ty về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 5.7. Có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông, danh sách Cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện không được tiết lộ các bí mật của Công ty.
- 5.8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 5.9. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 8 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc

liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

- 5.10. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên khác vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

- 6.1. Ban kiểm soát Công ty có ba (03) Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng hình thức bầu dồn phiếu. Ban kiểm soát phải có ít nhất hai phần ba (2/3) Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- 6.2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 6.3. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên

- 7.1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật liên quan.
- 7.2. Các Kiểm soát viên không làm việc trong Bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát

- 8.1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
- 8.2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 8.3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty và Quy chế này quy định.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

- 9.1. Điều phối công việc chung của Ban kiểm soát. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên, đôn đốc Kiểm soát viên thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban

kiểm soát. Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhận công việc Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.

- 9.2. Phê duyệt chương trình, kế hoạch triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo quy định.
- 9.3. Triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ, bất thường và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát.
- 9.4. Yêu cầu Hội đồng quản trị tổ chức phiên họp bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty.
- 9.5. Được quyền tham dự hoặc ủy quyền cho một Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp giao ban tháng, quý, năm của Công ty.
- 9.6. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- 9.7. Thay mặt Ban kiểm soát ký, ban hành các văn bản, báo cáo, tài liệu thuộc thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- 9.8. Phối hợp với thành viên lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- 9.9. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất trình Đại hội đồng cổ đông.
- 9.10. Yêu cầu các Kiểm soát viên báo cáo, giải trình những vấn đề được giao phụ trách hoặc một số nội dung khác theo chế độ thông tin báo cáo chung hay đột xuất.
- 9.11. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- 9.12. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- 10.1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- 10.2. Kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 10.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm

- quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 10.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
 - 10.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
 - 10.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - 10.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - 10.8. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - 10.9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và các cuộc họp khác của Công ty.
 - 10.10. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - 10.11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - 10.12. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xét thấy cần thiết.
 - 10.13. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 - 10.14. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Xem xét thư quản lý của tổ chức kiểm toán và ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Công ty.

- 10.15. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật, việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
- 10.16. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- 10.17. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai thực hiện.
- 10.18. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 10.19. Thông báo cho Hội đồng quản trị, Giám đốc kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát tại Công ty.
- 10.20. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 10.21. Công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 10.22. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc bố trí cán bộ, nhân viên trong Công ty tham gia thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.
- 10.23. Kiểm soát viên được đảm bảo điều kiện, công cụ, phương tiện cần thiết trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- 10.24. Tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp theo đề nghị của Ban kiểm soát. Các chi phí phát sinh liên quan phù hợp với ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 10.25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 11.1. Ban kiểm soát Công ty được cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.
- 11.2. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

- 11.3. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 11.4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
- 11.5. Được quyền yêu cầu các Bộ phận trong Công ty cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu, giải trình và thuyết minh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 12. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban kiểm soát

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác, chế độ tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban kiểm soát được áp dụng theo Điều 172 Luật Doanh nghiệp.

- 12.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- 12.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác
- 12.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

- 13.1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chịu trách nhiệm cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban kiểm soát. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.
- 13.2. Trưởng Ban kiểm soát phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng quý, năm. Các Kiểm soát viên có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hiện nhiệm vụ dựa trên chương trình, kế hoạch công tác đã được phê duyệt và phân công, phân nhiệm trong Ban kiểm soát.

Điều 14. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

- 14.1. Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm.
- 14.2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- + Trưởng Ban kiểm soát, hoặc
- + Ít nhất hai phần ba (2/3) số lượng Kiểm soát viên.

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành họp Ban kiểm soát bất thường. Nếu Trưởng Ban kiểm soát không chấp nhận triệu tập cuộc họp bất thường, các Kiểm soát viên mong muốn tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

- 14.3. Cuộc họp được gọi là họp lệ khi số lượng Kiểm soát viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số lượng Kiểm soát viên trong Ban kiểm soát.
- 14.4. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các Kiểm soát viên. Trường hợp khẩn cấp khi xét thấy cần thiết, thông báo mời họp có thể gửi trước một (01) ngày đến các Kiểm soát viên. Thông báo phải nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ đưa ra bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp. Trong trường hợp cần thiết, có thể tổ chức họp trực tuyến hoặc lấy ý kiến Kiểm soát viên bằng văn bản thay thế cho cuộc họp trực tiếp được triệu tập và tổ chức thông thường.
- 14.5. Biểu quyết:
 - + Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết theo quy định tại Điều này) thực hiện biểu quyết thay.
 - + Nguyên tắc biểu quyết đa số quá bán: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua bằng phương pháp biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
 - + Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc họp trực tuyến để thông qua quyết định của Ban kiểm soát cũng áp dụng theo nguyên tắc quá bán nêu trên và có giá trị tương đương với việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- 14.6. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự các cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
- 14.7. Kiểm soát viên có ý kiến khác với ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát được quyền bảo lưu ý kiến của mình trong Biên bản họp hoặc trong báo cáo của Ban kiểm soát.
- 14.8. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được lập thành Biên bản chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào Biên bản họp. Các Biên

bản hợp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước

Ban kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Quan hệ với cổ đông

- 17.1. Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.
- 17.2. Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Quan hệ với Hội đồng quản trị

- 18.1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty và thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
- 18.2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp tất cả các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- 18.3. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát tại Công ty và thông báo kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất. Khi nhận được kết quả kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý.
- 18.4. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong Báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Quan hệ với Giám đốc và Ban Giám đốc

- 19.1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Giám đốc, Ban Giám đốc Công ty và thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Giám đốc, Ban Giám đốc.
- 19.2. Các báo cáo, thông báo mời họp, văn bản khác mà Ban Giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị phải đồng thời gửi cho Ban kiểm soát.
- 19.3. Ban Giám đốc có trách nhiệm cung cấp và chỉ đạo các Bộ phận trong Công ty cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- 19.4. Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban kiểm soát và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.
- 19.5. Giám đốc thông báo kịp thời cho Ban kiểm soát khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại Công ty.
- 19.6. Ban kiểm soát thông báo cho Ban Giám đốc kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất của Ban kiểm soát tại Công ty.

Điều 20. Quan hệ với các Bộ phận trong Công ty

- 20.1. Các Bộ phận trong Công ty có trách nhiệm cung cấp số liệu, tài liệu, giải trình và thuyết minh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- 20.2. Các Bộ phận phải trực tiếp hoặc phối hợp với Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra công tác quản lý và điều hành theo đúng quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.
- 20.3. Ban kiểm soát kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán của Công ty.

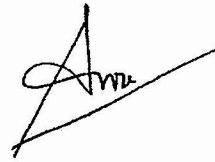
CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản thi hành

- 21.1. Quy chế này bao gồm 6 chương, 21 điều, do Trưởng Ban kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát ban hành theo chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số.34, ngày.16/04/2021. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Bộ phận, cá nhân liên quan của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC có trách nhiệm thực hiện.
- 21.2. Quy chế này thay thế Quy chế làm việc của Ban kiểm soát được ban hành đính kèm Công văn số 1490/DKQN-HĐQT ngày 03/08/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

- 21.3. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 21.4. Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 21.5. Trong quá trình thực hiện, Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung theo đề nghị của Ban kiểm soát và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

A handwritten signature in black ink, featuring a stylized 'A' followed by 'm' and a long horizontal stroke.

Hồ Thị Kim Ánh